**PHỤ LỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành theo Quyết định số: 1522 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| **I. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh (90 TTHC)** | | | | | | |
|  | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Phí: 360.000 đồng | | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  2. Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ;  3. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;  4. Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày | Phí: 360.000 đồng | |
|  | Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 30 ngày | Phí: 360.000 đồng | |
|  | Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày | Phí: 150.000 đồng | |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày làm việc | Phí: 150.000 đồng | |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 30 ngày | Phí: 360.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | 60 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Phí: 10.500.000 đồng | | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  2. Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ;  3. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;  4. Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 5.700.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 3.100.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 5.700.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp | 45 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Phí: 4.300.000 đồng | | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  2. Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ;  3. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;  4. Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ | 10 ngày | Không có | |
|  | Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage) | 10 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã | 45 ngày | Phí: 3.100.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | 45 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 15 ngày | Không có | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác | Phí: BV: 10.500.000 đồng  PKĐK: 5.700.000 đồng  PKCK: 4.300.000 đồng  Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 3.100.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Phí: 1.500.000 đồng | | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  2. Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ;  3. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;  4. Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác | Phí: BV: 10.500.000 đồng  PKĐK: 5.700.000 đồng  PKCK: 4.300.000 đồng  Thẩm định cấp GPHĐ khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác | Phí: 1.500.000 đồng | |
|  | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác | Phí: 1.500.000 đồng | |
|  | Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền | 30 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Phí: 2.500.000 đồng | | 1. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ;  2. Quyết định số: 39/2007/QĐ-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế;  3. Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế;  4. Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, dược tư thục trên địa bàn quản lý | 30 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | | 1. Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác ngày 29/11/2006;  2. Nghị định Số 56/2008/NĐ-CP ngày 29/4/2008;  3. Nghị định 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006;  4. Quyết định 03/2008/QĐ-BYT ngày 1/2/2008;  5. Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. |
|  | Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 30 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | | 1. Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008.  2. Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011;  3. Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014. |
|  | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 30 ngày làm việc |
|  | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm | 30 ngày làm việc |
|  | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng | 20 ngày |
|  | Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 20 ngày làm việc | 4.300.000 đồng | | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;  2. Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013;  3. Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. |
|  | Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 20 ngày làm việc | 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp giấy khám sức khỏe cho người đủ 18 tuổi | 24 giờ | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành | | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;  2. Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;  3. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;  4. Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013;  5. Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007;  6. Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013. |
|  | Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi | 24 giờ |
|  | Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự | 24 giờ |
|  | Khám sức khỏe định kỳ | Theo thỏa thuận trong hợp đồng | Theo hợp đồng ký kết | |
|  | Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 20 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;  2. Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013. |
|  | Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 20 ngày làm việc | Không có | |
|  | Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016 | 30 ngày | Phí: 360.000 đồng | | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  2. Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ;  3. Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;  4. Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế;  5. Thông tư số 16/2014/TT - BYT ngày 22 tháng 5 năm 2014;  6. Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày | Phí: 150.000 đồng | |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Phí: 360.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày | Phí: 5.700.000 đồng | |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa | 90 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã | 90 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | 90 ngày | Phí: 5.700.000 đồng | |
|  | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | 30 ngày | Phí: 1.500.000 đồng | |
|  | Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày | Phí: 4.300.000 đồng | |
|  | Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;  2. Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008;  3. Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;  4. Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014;  5. Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế. |
|  | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc |
|  | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc |
|  | Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;  2. Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008;  3. Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;  4. Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014;  5. Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế. |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt độngkhám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã | 90 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;  2. Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008;  3. Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ;  4. Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014;  5. Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế. |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | 90 ngày |
|  | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối vớicơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh | 90 ngày |
|  | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | 30 ngày |
|  | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn | 90 ngày |
|  | Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 10 ngày làm việc | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;  2. Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế. |
|  | Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 20 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai thành phố Huế | Không có | |
|  | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày làm việc | Chưa quy định | | 1. Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;  2. Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;  3. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;  4. Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015. |
|  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày |
|  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | 10 ngày |
|  | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 35 ngày | Phí: 2.500.000 đồng | | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40 ngày 23 tháng 11 năm 2009;  2. Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015;  3. Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 20 ngày | Phí: 2.500.000 đồng | |
|  | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 20 ngày | Phí: 2.500.000 đồng | |
|  | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 20 ngày | Phí: 2.500.000 đồng | |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 07 ngày | Không có | |
|  | Cấp giấy khám sức khỏe cho người lái xe | 24 giờ | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành | | 1. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; 2. Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ; 3. Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ;  4. Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế;  5. Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô | 20 ngày |
|  | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 20 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | Không có | |
|  | Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định tại Phụ lục số I | 1. Khám đơn lẻ: trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe;  2. Khám tập thể theo hợp đồng: theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng. | Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành | | 1. Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;  2. Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế;  3. Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;  4.Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế. |
|  | Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II | Không | |
|  | Khám sức khoẻ định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam | Theo thỏa thuận trong hợp đồng | Theo hợp đồng ký kết | |
|  | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | Không | |
| **II. Lĩnh vực Y tế dự phòng (26 TTHC)** | | | | | | |
| 1. | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 07 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Không có | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006;  2. Quyết định số 120/2008/QĐ - TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 2. | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 07 ngày làm việc |
| 3. | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | 17 ngày làm việc | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006;  2. Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Công an. |
| 4. | Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | 07 ngày làm việc |
| 5. | Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS. | 10 ngày làm việc | 1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)ngày 29/6/2006;  2. Thông tư số 06/2012/TT-BYT ngày 20/4/2012 của Bộ Y tế. |
| 6. | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng | Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | Cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | | Không có | 1. Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).  2. Nghị định số [90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=90/2016/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=01/7/2016&eday=01/7/2016)của Chính phủ. |
| 7. | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng | Ngay sau khi nhận được hồ sơ | Không có |
| 8. | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người có tiền sử nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng | Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của đối tượng quản lý | Cơ sở quản lý thực hiện việc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện (cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng) | |
| 9. | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý | Ngay sau khi nhận được hồ sơ |
| 10. | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý |
| 11. | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | 05 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Không có |
| 12. | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự | 05 ngày làm việc |
| 13. | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất | 05 ngày làm việc |
| 14. | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ | 05 ngày làm việc |
| 15. | Công bố đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 30 ngày | 1. Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.  2. Nghị định số [44/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. |
| 16. | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 1. ngày |
| 17. | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng | 10 ngày | 1. Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về phòng, chống bệnh truyền nhiễm;  2. Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;  3. Nghị định 104/2016/NĐ-CP ban hành ngày 1/7/2016 của Chính phủ. |
| 18. | Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng | 15 ngày làm việc |
| 19. | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II | 03 ngày | 1. Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007;  2. Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ;  3. Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 20. | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt | 01 giờ | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, số 10-12 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Huế | | **Giá dịch vụ:**  - Kiểm tra y tế đối với thi thể: 20 USD/lần kiểm tra  - Kiểm tra y tế đối với hài cốt: 7 USD/lần kiểm tra  - Kiểm tra y tế đối với tro cốt: 5 USD/lần kiểm tra  - Xử lý vệ sinh thi thể: 40 USD/lần xử lý  - Xử lý vệ sinh hài cốt: 14 USD/lần xử lý  - Kiểm tra đối với mẫu vi sinh học, sản phẩm sinh học, bộ phận cơ thể người: 6,5USD/lần kiểm tra. |
| 21. | Cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/ xử lý vệ sinh tàu thuyền | Trong ngày làm việc (nếu có xử lý y tế thì không quá 03 ngày) | Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Thừa Thiên Huế, số10-12 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Huế  Bộ phận tiếp nhận Khoa Kiểm dịch Y tế và trả kết quả tại cửa khẩu hoặc tại tàu nhập cảnh. | | **Giá dịch vụ:**  + Xông hơi diệt chuột bằng hóa chất và cấp phép diệt chuột tàu biển: 0,9USD/m­­­­­­3 khoang tàu.  + Diệt côn trùng tàu biển: 0,42USD/m3  + Khử trùng nước dằn tàu:  - Tàu đang chứa nước dằn tàu dưới 1.000 tấn: 40USD/tàu.  - Tàu đang chứa nước dằn tàu từ 1.000 tấn: 65USD/tàu.  - Tàu thuyền các loại: 0,5USD/m2  - Tàu bay các loại: 0,5USD/m2 | 1. Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007;  2. Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ;  3. Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 22. | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu | Ngay trong ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Thừa Thiên Huế, Số 10-12 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế | | **Giá dịch vụ:**  \* Kiểm tra y tế hàng hóa xuất cảnh đường hàng không, đường thủy:  - Lô hàng từ 10kg trở xuống: 7.000đ/lần KT  - Lô hàng trên 10 kg – 100 kg: 15.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 100 kg : 20.000đ/ lần KT  - Lô hàng dưới 5tấn: 35.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 5 tấn – 10tấn: 50.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 10 tấn – 15Tấn: 60.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 15tấn-30 tấn:75.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 30 tấn-60 tấn: 80.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 60 tấn-100 tấn: 110.000đ/ lần KT  - Lô hàng trên 100 tấn:140.000đ/ lần KT |
| 23. | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh | Ngay sau khi tiếp nhận đơn | Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế, số 21 đường Nguyễn Văn Linh, phường An hòa Thành phố Huế | | Không có | 1. Luật dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;  2. Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ;  3. Thông tư số [14/2015/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/thong-tu-14-2015-tt-byt-quan-ly-thuoc-methadone-280341.aspx) ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 24. | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà |
| 25. | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | Trong ngày tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Không có | 1. Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;  2. Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;  3. Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;  4. Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;  5. Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;  6. Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;  7. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. |
|  | Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm |
| **III. Lĩnh vực Dược – Mỹ phẩm (39 TTHC)** | | | | | | |
| 1. | Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược | 30 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Không có | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính. |
| 2. | Điều chỉnh công bố cơ sở tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược | 1. gày |
| 3. | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược)theo hình thức xét hồ sơ | 20 ngày làm việc | Phí: 500.000 đồng |
| 4. | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp CCHND bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp CCHND | 05 ngày làm việc | Không có |
| 5. | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) | 10 ngày làm việc | Phí: 500.000 đồng |
| 6. | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ | 10 ngày làm việc | Phí: 500.000 đồng |
| 7. | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 30 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Phí: Cơ sở bán buôn: 4.000.000đ  Cơ sở bán lẻ: 1.000.000đ  Vùng núi và hải đảo: 5.00.000 đồng | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính. |
| 8. | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 30 ngày làm việc | Phí: Cơ sở bán buôn: 4.000.000đ  Cơ sở bán lẻ: 1.000.000đ  Vùng núi và hải đảo: 5.00.000 đồng |
| 9. | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | - 20 ngày làm việc đối với trường hợp mất, hỏng;  - 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược. | Không có |
| 10. | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 20 ngày làm việc |
| 11. | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động | 05 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Không có | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. |
| 12. | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 30 ngày làm việc |
| 13. | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ; cơ sở sản xuất thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 95 ngày làm việc |
| 14. | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (trừ cơ sở sản xuất được quy định tại Điều 50 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP); cơ sở kinh doanh thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 30 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Không có |
| 15. | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày làm việc | Không có | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 16. | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | 30 ngày làm việc | Phí:  Cơ sở bán lẻ: 1.000.000 đồng  Vùng núi và hải đảo: 5.00.000 đồng | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính. |
| 17. | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược | 07 ngày làm việc | Không có |
| 18. | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt | 07 ngày làm việc |
| 19. | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh | 07 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Không có |
| 20. | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc | 15 ngày làm việc | Phí: 1.600.000 đồng |
| 21. | Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày làm việc | Không có |
| 22. | Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 07 ngày làm việc | Không có |
| 23. | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước | 25 ngày làm việc | Phí: 100.000 đồng |
| 24. | Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 15 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Không có | 1. Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y. |
| 25. | Giấy chứng nhận “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”. | 30 ngày | Phí: 1.000.000 đồng | 1. Luật Dược số 105/2016-QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ Y tế;  4. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính. |
| 26. | Giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc” | 30 ngày | Phí: 4.000.000 đồng | 1. Luật Dược số 105/2016-QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  2. Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;  3. Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ Y tế;  4. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính. |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 30 ngày | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Phí: 6.000.000 đồng | 1. Luật Đầu tư năm 2014.  2. Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;  3. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 05 ngày | Không có |
|  | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 05 ngày |
|  | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm | 10 ngày | Phí: 1.600.000 đồng | 1. Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;  2. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;  3. Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015;  4. Thông tư số 114/2017/TT-BTC ngày ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày | Không có |
|  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực | 05 ngày |
|  | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | 10 ngày |
|  | Công bố sản phẩm mỹ phẩm | 03 ngày | Phí: 500.000 đồng | 1. Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế;  2. Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Đăng ký công bố hợp quy tinh Dầu tràm | 05 ngày làm việc | Không có | 1. Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ;  2. Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;  3. Quyết định 09/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. |
|  | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh/tỉnh phố | 18 ngày làm việc  Trong đó, 13 ngày làm việc tại Sở Y tế và 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | | Không có | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;   * + - Luật đấu thầu số 43/2013-QH13 ngày 26/11/2013; * Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/3/2014 của Chính phủ; * Quyết định 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/2/2016 của Chính phủ; * Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/06/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;   + - Thông tư 11/2016/TT-BYT ngày 30/12/2011 của Bộ Y tế; * Quyết định 12/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; * Thông tư liên tịch số 01/TTLT-BYT-BTC của liên tịch Bộ Y tế-Bộ Tài chính. |
|  | [Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=538736) | 10 ngày làm việc | Cơ sở giáo dục | | Không có | 1.  [Luật Dược số 105/2016/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=101886) ngày 06/04/2016 của Quốc hội;  2. [Nghị định số 54/2017/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=123255) ngày 08/05/2017 Nghị định của Chính phủ;  3. [Thông tư số 07/2018/TT-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=129490) ngày 12/04/2018 Thông tư của Bộ Y tế. |
|  | [Kiểm tra, công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=538735) | 30 ngày |
|  | [Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=538734) | 05 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế | |
| **IV. Lĩnh vực Giám định Y khoa (29 TTHC)** | | | | | | |
| 1. 1. | [Khám GĐYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?ItemID=470270) | 45 ngày | Trung tâm Giám định Y khoa, 52 Ngô Quyền - Phường Vĩnh Ninh - Thành Phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế. | | Nộp phí theo quy định của Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa | 1. Căn cứ Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  2. Căn cứ Nghị định số [31/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=31/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;  3. Thông tư liên tịch số [20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2016/TTLT-BYT-BL%C4%90TBXH&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. |
| 1. 2. | [Khám GĐYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=31/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) | 45 ngày |
|  | Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động | 10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận | 1. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;  2. Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;  3. Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017;  4. Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016. |
|  | Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp |
|  | Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động | Trung tâm Giám định Y khoa, 52 Ngô Quyền - Phường Vĩnh Ninh - Thành Phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế. | | Nộp phí theo quy định của Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa |
|  | Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất |
|  | Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai |
|  | Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần |
|  | Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động |
|  | Giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát |
|  | Giám định tổng hợp |
|  | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật | 30 ngày | Trung tâm Giám định Y khoa, 52 Ngô Quyền - Phường Vĩnh Ninh - Thành Phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế. | | Nộp phí theo quy định của Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa | 1. Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;  2. Nghị định số [28/2012/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=28/2012/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;  3. Nghị định số[63/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ;  4. Nghị định số [186/2007/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=186/2007/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ;  5. Thông tư liên tịch số [34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=34/2012/TTLT-BYT-BL%C4%90TBXH&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;  6. Thông tư số [243/2016/TT-BTC](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=93/2012/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11/11/2016. |
|  | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 30 ngày |
|  | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 30 ngày |
|  | Khám giám định đối với trường hợp Người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác. | 30 ngày |
|  | Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác. | 30 ngày | Trung tâm Giám định Y khoa, 52 Ngô Quyền - Phường Vĩnh Ninh - Thành Phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế. | | Nộp phí theo quy định của Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa |
|  | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định. | 30 ngày |
|  | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định. | 30 ngày |
|  | Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện | 40 ngày |  | 1. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;  2. Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ;  3. Thông tư liên tịch số 45/2014 /TTLT-BYT-BLĐTBXH của Liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;  4. Thông tư số [243/2016/TT-BTC](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=93/2012/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11/11/2016. |
|  | Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | 40 ngày làm việc |
|  | Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | 40 ngày làm việc |
|  | Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | 40 ngày |
|  | Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện | 40 ngày |
|  | Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 20 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Không có | 1. Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012  2. [Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ;](http://www.moh.gov.vn/LegalDoc/Pages/Document.aspx?ItemID=76&QAItemID=76&sId=1)  3. [Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.](http://www.moh.gov.vn/LegalDoc/Pages/Document.aspx?ItemID=77&QAItemID=77&sId=1) |
|  | Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày làm việc |
|  | Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính | 75 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | 10.500.000 đồng/lần | 1- Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ;  2- Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế;  3- Theo quy định tại Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi. | 15 ngày làm việc | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính | | Không có |
|  | Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên. | 15 ngày làm việc | Không có |
|  | Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi. | 15 ngày làm việc | Không có |
| **V. Lĩnh vực Đào tạo (01 TTHC)** | | | | | | |
| 1. | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố. | 15 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Không có | Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ |
| **VI. Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm (09 TTHC)** | | | | | | |
| 1. 1. | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 07 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Phí: 1.500.000 đồng/01 sản phẩm | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;  2. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ;  3. Thông tư 279/TT-BTC ngày 14/11/2016. |
|  | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 07 ngày làm việc | Phí: 1.500.000 đồng/01 sản phẩm | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;  2. Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội;  3. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ;  4. Nghị định số 181/ 2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013;  5. Thông tư số [09/2015/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=09/2015/TT-BYT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 25/5/2015.  6. Nghị định số [100/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2014/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;  7. Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016. |
|  | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 10 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Phí: 1.200.000 đồng/lần/01 sản phẩm | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;  2. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương;  3 Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức | 10 ngày làm việc đối với quá trình nhận h/sơ. 03 ngày việc đối với quá trình cấp giấy xác nhận. | Phí: 30.000 đồng/lần/người. |
|  | Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân | Phí: 30.000 đồng/lần/người. |
|  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền sở Y tế | 15 ngày làm việc | - Phí thẩm định CSKDTP: 1.000.000/lần/CS - CSSXTP: 3.000.000/lần/CS - CSSXTP (GMP): 22.500.000/lần/CS | 1. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;  2. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ;  3. Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế;  4. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 07 ngày làm việc | Không có |
|  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 | 10 ngày làm việc | Phí thẩm định: - CSKDDV ăn uống dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở - CSKDDV ăn uống từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở | 1. Luật an toàn thực phẩm năm 2010;  2. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;  3. Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014;  4. Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế;  5. Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
|  | Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 | 07 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Không có | 1. Luật an toàn thực phẩm năm 2010;  2. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;  3. Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014. |
| **VII. Lĩnh vực trang thiết bị Y tế (03 TTHC)** | | | | | | |
| 1. | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | Sau 03 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công tỉnh, 01 Lê Lai, TP Huế | | Phí: 3.000.000 đồng | 1.Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;   1. Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; 2. Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 2. | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế loại A | Sau 03 ngày làm việc | Phí: 1.000.000 đồng |
| 3. | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | Sau 03 ngày làm việc | Phí: 3.000.000 đồng |
| **VIII. Lĩnh vực Dân số kế hoạch hóa gia đình (06 TTHC)** | | | | | | |
| 1. 1. | Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm | 30 ngày làm việc | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm | | Theo quy định hiện hành | 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;  2. Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19 tháng 6 năm 2014;  3. Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015;  Nghị định số 98/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. |
|  | Đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo | 30 ngày làm việc |
|  | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bênh, chữa bệnh | 05 ngày làm việc | Trạm Y tế xã, phường | | Không có | 1- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;  2- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ;  3- Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Y tế. |
|  | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh | 03 ngày làm việc | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | |
|  | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 03 ngày làm việc. | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | |
|  | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ. | Trước khi trẻ xuất viện | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi và mang thai hộ | | 1. Luật Hôn nhân và Gia đình ngày 19 tháng 6 năm 2014;  2. Luật Hộ tịch năm 2014;  3. Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ;  4. Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ;  5. Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |

Tổng cộng: 203 TTHC